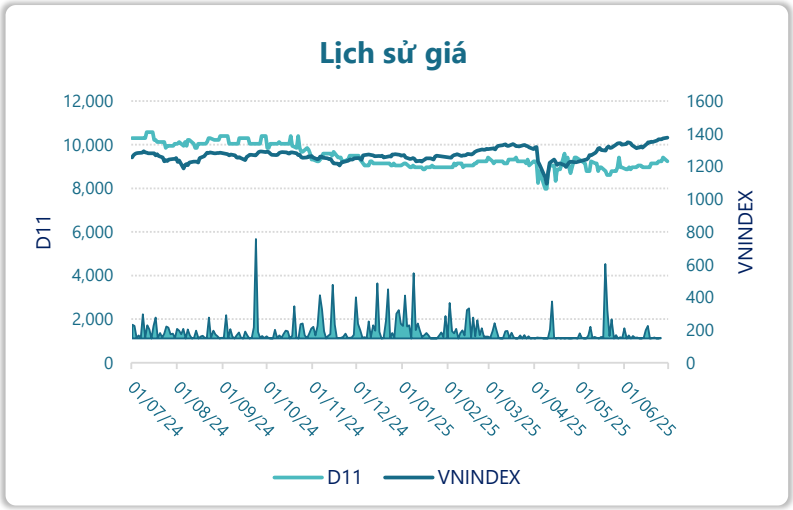
CTCP Địa ốc 11 (HNX: D11)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,573
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,974
SL cổ phiếu LH	7,338,138
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,220
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	76
P/E	15.6
EPS	660

DT thuần

Q2/25

28.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.20| 22.3%

YoY: ▲ 12.0| 72.1%

LN sau thuế

Q2/25

0.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.11| -80.3%

YoY: ▼0.93| -64.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.5%

+/- YoY: ▼ 8.2%

DT thuần

6T 2025

52.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 19.9| 61.3%

LN sau thuế

6T 2025

3.15

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.95| 43.1%

ROE

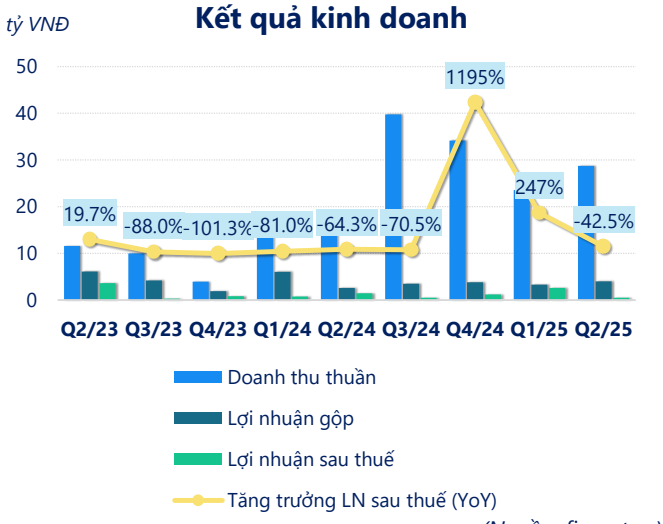
Q2/25

2.6%

+/- YoY: ▲ 0.8%

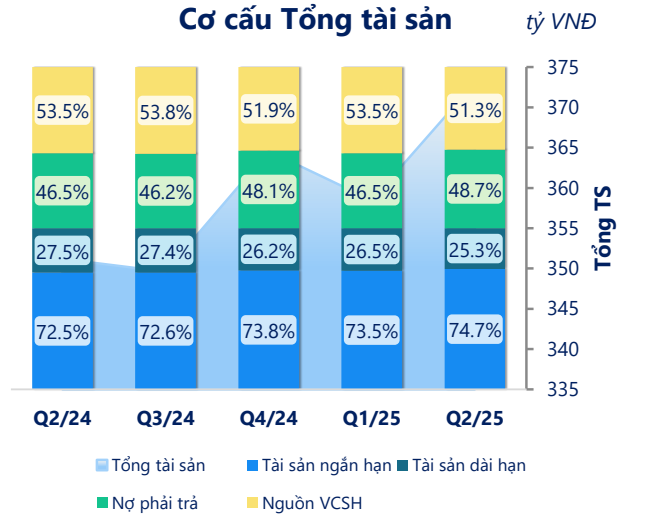
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



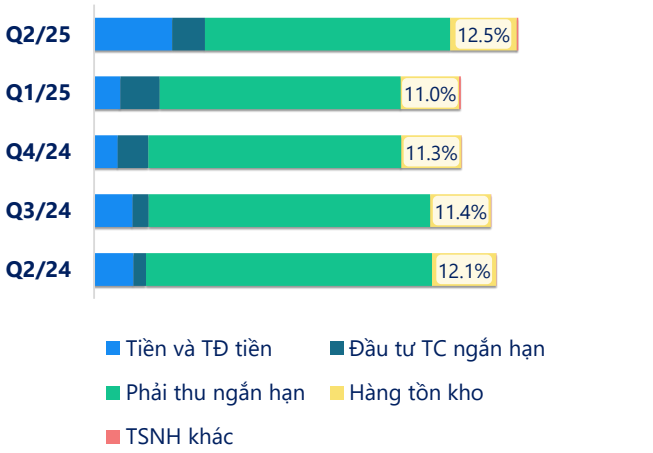
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



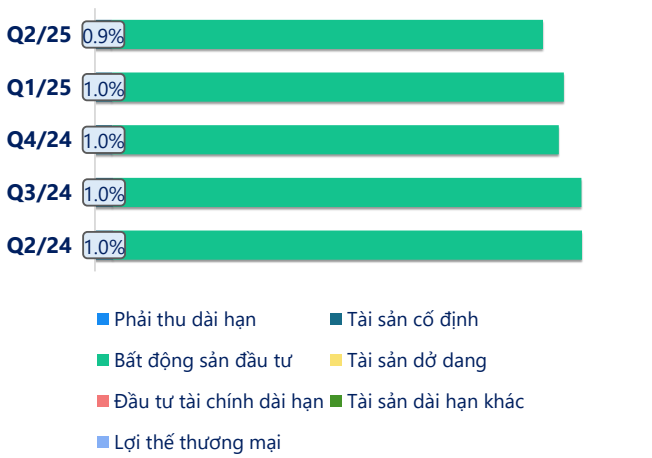
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



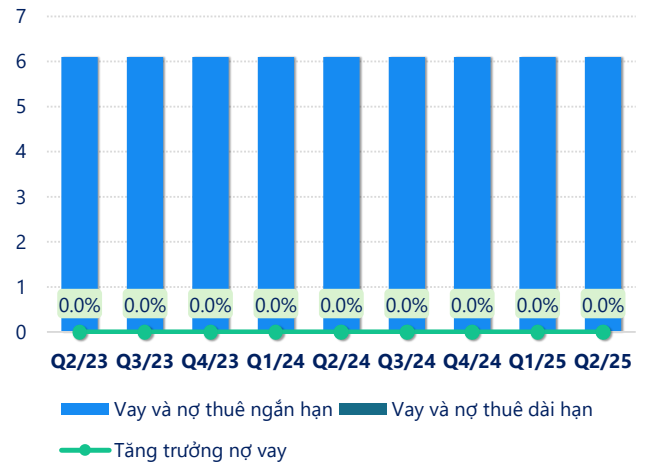
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



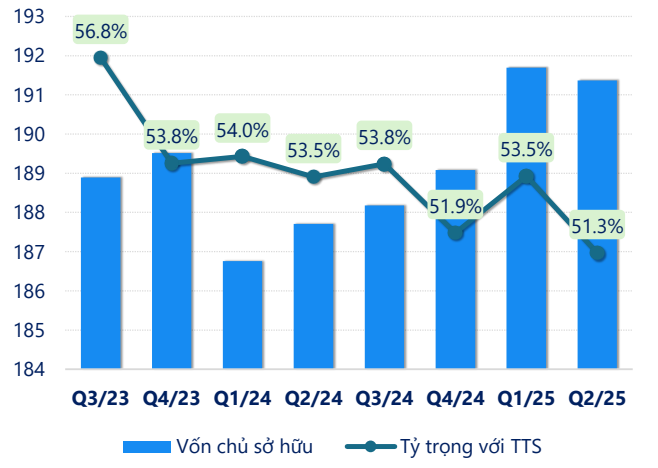
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



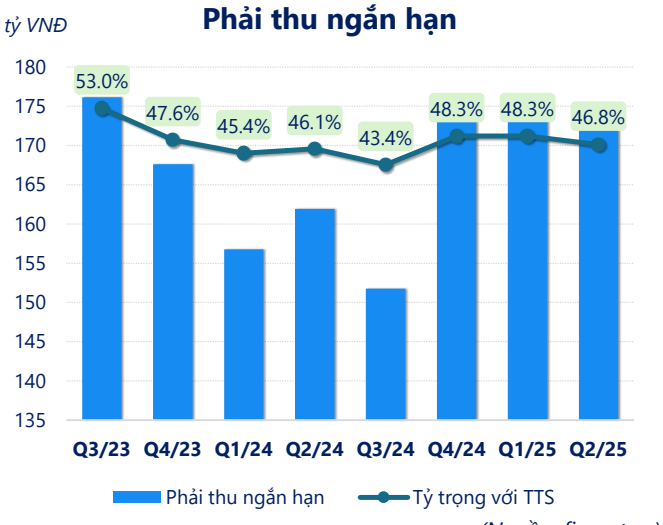
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



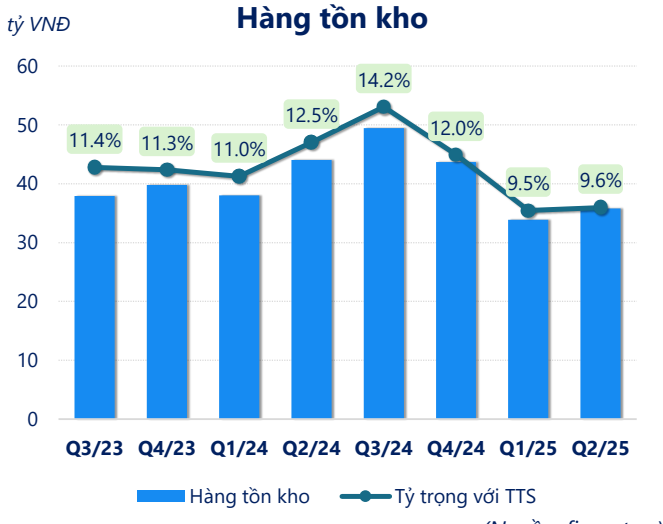
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



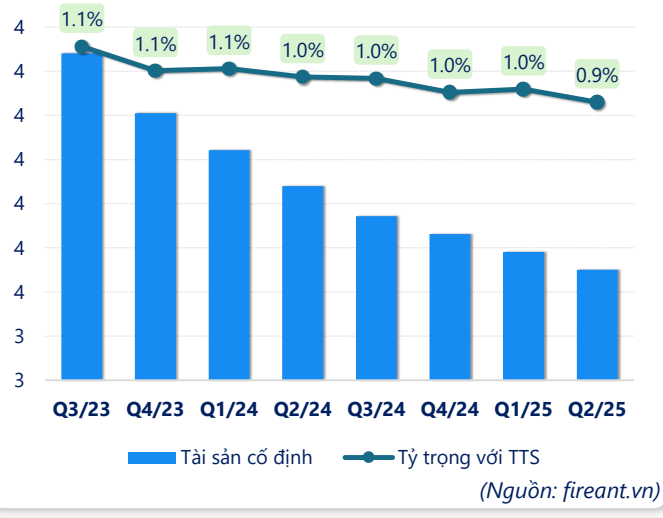
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



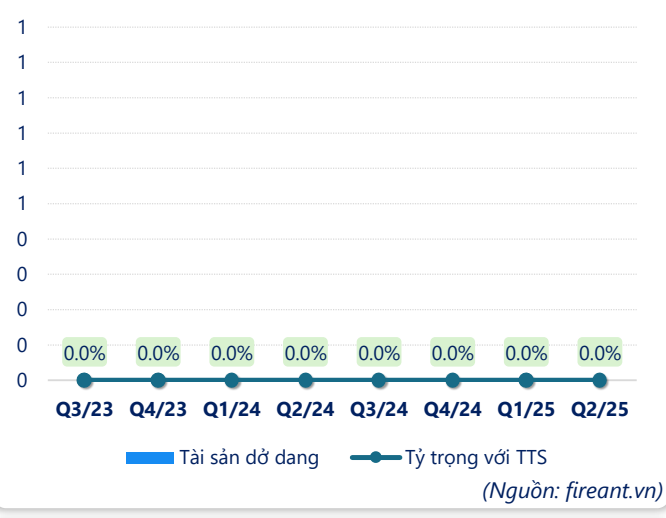
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



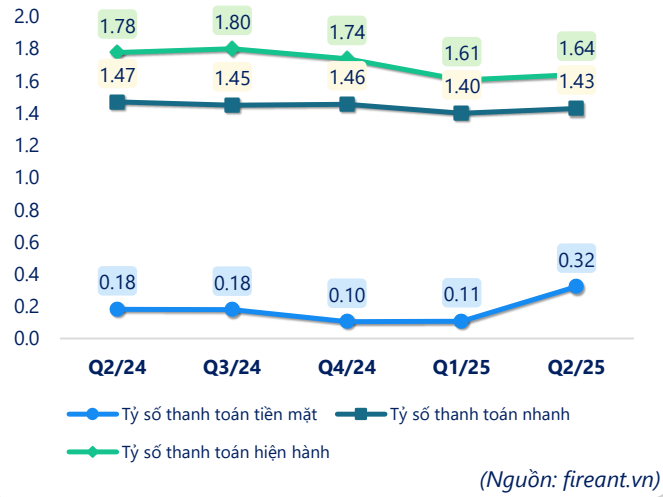
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



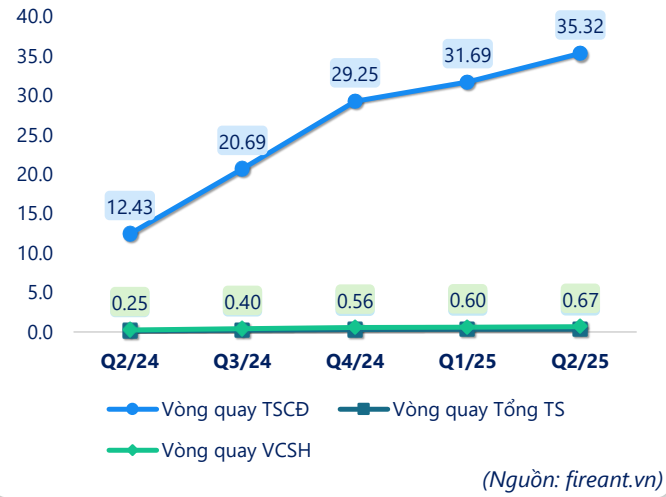
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**351**	**350**	**365**	**358**	**373**
Tài sản ngắn hạn	**255**	**254**	**269**	**264**	**279**
Tiền và tương đương tiền	26.0	25.4	16.2	17.7	54.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.6	25.4	32.6	38.3	13.1
Phải thu ngắn hạn	162	152	176	173	175
Hàng tồn kho	44.0	49.5	43.7	33.9	35.8
Tài sản ngắn hạn khác	1.07	1.65	0.62	0.57	0.36
Tài sản dài hạn	**96.5**	**95.9**	**95.4**	**94.8**	**94.3**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3.62	3.59	3.57	3.55	3.53
Bất động sản đầu tư	92.9	92.4	91.8	91.3	90.8
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**163**	**161**	**175**	**167**	**182**
Nợ ngắn hạn	**143**	**141**	**155**	**164**	**170**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.10	6.10	6.10	6.10	6.10
Phải trả người bán ngắn hạn	9.77	16.1	18.5	11.3	13.7
Nợ dài hạn	20.1	20.5	20.5	2.54	11.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**188**	**188**	**189**	**192**	**191**
Vốn chủ sở hữu	**188**	**188**	**189**	**192**	**191**
Vốn điều lệ	65.5	73.4	73.4	73.4	73.4
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)